

Bản án số: 715/2020/HSPT
Ngày 23 tháng 11 năm 2020
“Nguyễn Đức Minh T db
Đánh bạc, tổ chức đánh bạc”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Phan Văn Yên
Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 271/2020/TLPT-HS ngày 10 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Đức Minh T và các bị cáo khác do các bị cáo kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2020/HS-ST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Đức Minh T (Tên gọi khác: M), sinh năm 1988 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: 58/19 Đường 100 Bình Thới, Phường 14, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: Thôn Tân Bình, xã Đắk Ru, huyện Đắk R’Lấp, tỉnh Đắk Nông; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Con ông Nguyễn Đức An và bà Đặng Thị Đào; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa từng bị kết án hoặc xử phạt vi phạm hành chính; Bị cáo tại ngoại điều tra, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị Phương T¹ (Tên gọi khác: Trần Thị Mỹ L¹, K), sinh năm 1976 tại tỉnh Bình Dương; Nơi cư trú: Thôn 3, xã Đắk Sin, huyện Đắk R’Lấp, tỉnh Đắk Nông; Trình độ học vấn: Lớp 5/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Con ông Nguyễn Xuân Thự và bà Nguyễn Thị Phụng (chết); Chồng là Đoàn Ngọc T² (bị cáo trong vụ án) và 01 con sinh năm 2004; Tiền án: Bản án số 08/2003/HSST ngày 22/4/2003 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước phạt 5.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, bị cáo chưa chấp hành án (vụ án này bị cáo lấy tên là Trần Thị Mỹ L¹); Tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án phúc thẩm số 57/2015/HS-PT ngày 09/6/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, đã được xóa án tích; Bị bắt tạm giữ từ ngày 29/8/2019 đến ngày 03/01/2020 tại ngoại đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Đoàn Ngọc T², sinh năm 1971 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Thôn 3, xã Đắc Sin, huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông; Trình độ học vấn: Lớp 3/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Đoàn Ngọc Sanh và bà Nguyễn Thị Phúc; Vợ Nguyễn Thị Phương T¹ (là bị cáo trong vụ án) và 01 con sinh năm 2004; Tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án phúc thẩm số 57/2015/HS-PT ngày 09/6/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Nông phạt 01 năm tù về tội “Đánh bạc”, đã được xóa án tích; Bị bắt tạm giữ từ ngày 29/8/2019 đến ngày 28/10/2019 tại ngoại đến nay, bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Trung L, sinh năm 1963 tại tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn 2, xã Đắc Sin, huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông; Trình độ học vấn: Lớp 7/10; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Nguyễn Trung Đồi (chết) và bà Đỗ Thị Tình; Vợ Phạm Thị Mận và 03 con, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1992; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa từng bị kết án hoặc xử phạt vi phạm hành chính; Bị cáo tại ngoại điều tra, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra còn có 02 bị cáo khác không kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2019, Nguyễn Đức Minh T nói cho vợ chồng Nguyễn Thị Phương T¹, Đoàn Ngọc T² biết mình là chủ cái đề, ai có ghi đề thì T¹, T² ghi giao lại cho T thì T trả tiền hoa hồng 30% tiền phoi đề đánh đầu đuôi, trích từ 1.000 đồng/1 điểm đến 1.100 đồng/1 điểm nếu bao lô đài miền Bắc, 1.400 đồng/1 điểm đài miền Trung và đài miền Nam (1 điểm đài miền Bắc là 20.000 đồng, 1 điểm đài miền Trung, miền Nam là 14.000 đồng). Tỷ lệ ăn thua đối với số 2 con là 1 ăn 70, số 3 con là 1 ăn 600. T¹ và T² trực tiếp ghi đề và chuyển phoi đề cho T bằng tin nhắn điện thoại hàng ngày trước 16 giờ đối với đài miền Nam, trước 17 giờ đài miền Trung và trước 18 giờ đài miền Bắc, chỉ cần T¹ và T² gửi được tin nhắn cho T thì việc đánh bạc giữa hai bên đã hoàn thành, không cần T gửi tin nhắn xác nhận. Sau mỗi tối, hai bên căn cứ kết quả xổ số kiến thiết để tính tiền thắng thua dứt điểm hàng ngày. T¹ và T² là người trực tiếp trả tiền thắng cho con bạc.

Nguyễn Trung L đánh số đề do T¹ ghi, ban đầu đánh mỗi ngày vài trăm ngàn đồng, do thua nên đánh số tiền tăng dần số tiền đánh bạc và đánh số “kéo” (số dây, dây số chẵn, lẻ liên tục từ 20-25 số). Do L đánh số tiền lớn và đánh số “kéo”, sợ T không nhận nên T¹ chia nhỏ phoi đề giảm số tiền, tách ngắt quãng dây số “kéo” thành 3 phần, một phần Trình trực tiếp gửi cho Tâm, một phần nhờ chồng là Đoàn Ngọc T² chuyển phoi (đã tách nhỏ) cho T, phần còn lại T¹ gửi cho Bùi Thị Ngân H để được H trả hoa hồng 25% tổng số tiền phoi đề đánh 2 số cuối giải đặc biệt đài miền Bắc.

Lúc 16 giờ 55 phút ngày 28/8/2019, khi T² đang ghi số đề cho Lò Văn H¹ và Lê Ngọc H² tại nhà của mình thì Công an bắt quả tang. Kiểm tra tin nhắn trong điện thoại của T¹ phát hiện nhiều phoi đề liên quan đến việc đánh bạc. Cụ thể như sau:

Nguyễn Thị Phương T¹ từ ngày 20/8/2019 đến 28/8/2019 ghi phoi đề cho 02 người gồm: Nguyễn Trung L ghi 09 phoi, số tiền thấp nhất là 12.700.000 đồng/phoi, số tiền cao nhất là 36.200.000 đồng/phoi, cộng 186.500.000 đồng; Ghi cho Hoàng

Mạnh H³ 4.000.000 đồng; Tổng phoi 2 người số tiền 190.500.000 đồng. T¹ trực tiếp chuyển phoi cho T 127.840.000 đồng, nhờ T² chuyển phoi cho T 24.000.000 đồng, chuyển phoi cho H 38.660.000 đồng. Tổng tiền hoa hồng 54.217.000 đồng (thực nhận 43.507.000 đồng, còn lại 10.710.000 đồng của ngày 28/8/2019 chưa nhận thì bị bắt);

Ngoài ra, phát hiện điện thoại của T¹ số 0866 707921 vào ngày 20/8/2019 và ngày 21/8/2019 nhận tin nhắn mua số đề của người tên T⁴ và người bán sấu riêng đều không rõ lai lịch và T¹ không nhắn tin xác nhận lại.

Từ ngày 19/8/2019 đến ngày 28/8/2019, Đoàn Ngọc T² ghi số đề cho Lò Văn H¹, Lê Ngọc H², Phan Thanh G và một số đối tượng khác chưa rõ lai lịch với tổng số tiền 183.816.000 đồng (gồm cả 24.000.000 đồng do T¹ nhờ chuyển). T² đã chuyển cho T 10 phoi, số tiền thấp nhất 11.090.000 đồng/phoi, cao nhất 26.291.000 đồng và ngày 28/8/2019 phoi 17.855.000 đồng nhưng mới giao cho T được 2.830.000 đồng. Tổng số tiền T² đã chuyển cho T là 168.791.000 đồng, tổng tiền hoa hồng 24.500.000 đồng, trong đó có 7.200.000 đồng của T¹ nhờ chuyển phoi, nên tiền T² hưởng là 17.300.000 đồng.

Nguyễn Đức Minh T từ ngày 19/8/2019 đến ngày 28/8/2019 nhận phoi của T² số tiền 168.791.000 đồng và nhận phoi của T¹ số tiền 110.526.000 đồng. Tổng cộng 395.767.000 đồng, tiền trả cho người trúng đề 116.450.000 đồng, thu lợi bất chính 103.183.000 đồng.

Nguyễn Trung L từ ngày 20/8/2019 đến ngày 28/8/2019 đã ghi đề với T¹ 09 lần, số tiền thấp nhất là 12.700.000 đồng/lần, cao nhất là 36.200.000 đồng/lần. Ngày 28/8/2019 chưa đưa tiền cho T¹ 36.200.000 đồng thì bị bắt. Tổng tiền đánh đề là 186.500.000 đồng, thắng 28.000.000 đồng, thua 158.500.000 đồng. Như vậy tổng tiền L đánh bạc là 214.500.000 đồng.

Ngoài ra Bùi Thị Ngân H nhận phoi đề tổng số tiền 52.600.000 đồng, Phan Thanh G đánh đề 5.500.000 đồng vào ngày 28/8/2019.

Tại Bản cáo trạng số 15/CTr-VKS(P2) ngày 20/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã truy tố Nguyễn Đức Minh T, Nguyễn Thị Phương T¹ về tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo điểm b khoản 2 Điều 322 Bộ luật hình sự; Đoàn Ngọc T² về tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; Truy tố Nguyễn Trung L về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự và còn truy tố 02 bị cáo khác.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2020/HS-ST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Đức Minh T, Nguyễn Thị Phương T¹, Đoàn Ngọc T² phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”; bị cáo Nguyễn Trung L phạm tội “*Đánh bạc*”.

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Minh T 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương T¹ 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/8/2019 đến ngày 03/01/2020.

3. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Đoàn Ngọc T² 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/8/2019 đến ngày 28/10/2019.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung L 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên phạt Bùi Thị Ngân H 60.000.000 đồng và phạt Phan Thanh G 30.000.000 đồng đều về tội “*Đánh bạc*”; quyết định về biện pháp tư pháp; về xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/5/2020 bị cáo Nguyễn Đức Minh T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Cùng ngày 21/5/2020, các bị cáo Nguyễn Thị Phương T¹, Đoàn Ngọc T² và Nguyễn Trung L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bị cáo Nguyễn Đức Minh T khai nhận Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” là đúng, nhưng hoàn cảnh bị cáo rất khó khăn, là lao động chính trong gia đình, phạm tội lần đầu, đã đầu thú, nộp tiền khắc phục hậu quả, lập công chuộc tội, có nhiều giấy khen, bị nhiều bệnh nên xin được hưởng án treo và cam kết không tái phạm.

Bị cáo Nguyễn Thị Phương T¹ đề nghị xem xét bị cáo chỉ ghi đề dùm cho bị cáo L, bị cáo đưa cho bị cáo L toàn bộ số tiền hoa hồng. Bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, là lao động chính trong gia đình, chồng bị cáo cũng bị phạt tù nên không ai chăm sóc các con nên xin được hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Trung L khai nhận Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “*Đánh bạc*” là đúng, nhưng hoàn cảnh bị cáo đặc biệt khó khăn, là lao động chính trong gia đình, đang bị nhiều chứng bệnh hiểm nghèo, tim gian, rối loạn cơ thể, nếu chấp hành hình phạt tù thì không ai chăm sóc vợ nên xin được hưởng án treo. Bị cáo không nhớ có nhận tiền hoa hồng của bị cáo T¹ hay là không.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xem xét các đơn kháng cáo đều đảm bảo hình thức và thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Bản án sơ thẩm tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Đức Minh T, Nguyễn Thị Phương T¹, Đoàn Ngọc T² phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo Điều 322 Bộ luật hình sự; tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung L phạm tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đã xử phạt mức hình phạt tương xứng. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới, đặc biệt nên đề nghị bác kháng cáo của tất cả các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Đoàn Ngọc Thông vắng mặt tại phiên tòa nhưng không gây trở ngại cho việc xét xử nên việc xét xử vẫn tiến hành theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tất cả các đơn kháng của các bị cáo đều đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và không có kháng cáo, kháng nghị về tội danh nên Bản án sơ thẩm tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Đức Minh T, Nguyễn Thị Phương T¹, Đoàn Ngọc T² phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo Điều 322 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Trung L phạm tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, nên cần phải xử phạt nghiêm.

[3.1] Bản án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Nguyễn Đức Minh T như: Thật thà khai báo, ăn ăn hối cải, đầu thú, tự khai ra các lần phạm tội khác, có quá trình nhân thân tốt nên đã xử phạt bị cáo 03 năm tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Bị cáo là chủ cái nhận phôi đề của bị cáo Nguyễn Thị Phương T¹ và Đoàn Ngọc T² nên bị cáo giữ vai trò chủ mưu, thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3.2] Bị cáo Nguyễn Thị Phương T¹ trực tiếp ghi đề với số tiền đánh bạc rất lớn (190.500.000 đồng), số tiền hưởng lợi rất lớn (54.217.000 đồng). Bị cáo có quá trình nhân thân rất xấu, nhiều lần bị kết án về tội đánh bạc nhưng vẫn tái phạm; Bản án sơ thẩm đã cân nhắc đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Thật thà khai báo, ăn ăn hối cải, tự khai ra các lần phạm tội khác nên đã xử phạt bị cáo 05 năm tù là ở mức khởi điểm của khung hình phạt quy định phạt tù từ 05 năm đến 10 năm. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới, bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3.3] Bị cáo Đoàn Ngọc T² trực tiếp ghi đề với số tiền đánh bạc rất lớn (159.816.000 đồng), số tiền hưởng lợi lớn (17.300.000 đồng). Bị cáo có quá trình nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội đánh bạc nhưng vẫn tiếp tục phạm tội nhiều lần; Bản án sơ thẩm đã cân nhắc đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Thật thà khai báo, ăn ăn hối cải, tự khai ra các lần phạm tội khác nên đã xử phạt bị cáo 02 năm tù là tương xứng. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới và bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3.4] Bị cáo Nguyễn Trung L đánh bạc 9 lần trong 9 ngày liên nhau, mỗi lần đánh bạc đều đủ định lượng cấu thành tội phạm, tổng số tiền đánh bạc 214.500.000 đồng. Bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo gồm: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự thú những lần phạm tội trước lần bị bắt quả tang, có quá trình nhân thân tốt và đã xử phạt bị cáo 01 năm 09 tháng tù là tương xứng. Bị cáo phạm tội nhiều lần nên thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của

Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3.5] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của tất cả các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Do không được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo đều phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo khác; về biện pháp tư pháp; về xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự;

2. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đức Minh T, Nguyễn Thị Phương T¹, Đoàn Ngọc T² và Nguyễn Trung L; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2020/HS-ST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông;

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Đức Minh T, Nguyễn Thị Phương T¹, Đoàn Ngọc T² phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”; bị cáo Nguyễn Trung L phạm tội “*Đánh bạc*”.

2.1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Minh T 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2.2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương T¹ 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/8/2019 đến ngày 03/01/2020.

2.3. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Đoàn Ngọc T² 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/8/2019 đến ngày 28/10/2019.

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung L 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

3. Mỗi bị cáo Nguyễn Đức Minh T, Nguyễn Thị Phương T¹, Đoàn Ngọc T² và Nguyễn Trung L đều phải nộp án phí hình sự phúc thẩm 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*)/bị cáo.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo khác; về biện pháp tư pháp; về xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC;
- Viện Trưởng VKSNDTC;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông;
- Công an tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Nông
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

